

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

| STT | CÁC KHOẢN THU                              | NĂM HỌC<br>2022 - 2023   | NĂM HỌC<br>2023 - 2024   | NĂM HỌC<br>2024 - 2025   | NĂM HỌC<br>2025 - 2026   |
|-----|--------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
|     |                                            | MỨC THU                  | DỰ KIẾN<br>MỨC THU       | DỰ KIẾN<br>MỨC THU       | DỰ KIẾN<br>MỨC THU       |
| 1   | Học phí chính khóa                         | Chờ văn bản<br>hướng dẫn | Chờ văn bản<br>hướng dẫn | Chờ văn bản<br>hướng dẫn | Chờ văn bản<br>hướng dẫn |
| 2   | Tổ chức dạy hai buổi/ngày                  | 120.000/tháng            | 120.000/tháng            |                          |                          |
| 3   | Tổ chức dạy Tin học                        | 80.000/tháng             | 80.000/tháng             |                          |                          |
| 4   | Tổ chức Tăng cường Tiếng Anh               | 80.000/tháng             | 80.000/tháng             | 80.000/tháng             | 80.000/tháng             |
| 5   | Tổ chức học nghề                           | 140.000/năm học          | 140.000/năm học          | 140.000/năm học          | 140.000/năm học          |
| 6   | Lệ phí thi nghề                            | 27.000/học sinh          | 27.000/học sinh          | 27.000/học sinh          | 27.000/học sinh          |
| 7   | Tổ chức dạy Anh văn bản ngữ                | 180.000/tháng            | 180.000/tháng            | 180.000/tháng            | 180.000/tháng            |
| 8   | Tổ chức Kỹ năng sống                       | 60.000đ/tháng            | 60.000đ/tháng            | 60.000đ/tháng            | 60.000đ/tháng            |
| 9   | Tổ chức hoạt động Câu lạc bộ               | 120.000/tháng            | 120.000/tháng            | 120.000/tháng            | 120.000/tháng            |
| 10  | Tiền ăn bán trú                            | 30.000đ/ngày             | 30.000đ/ngày             | 30.000đ/ngày             | 30.000đ/ngày             |
| 11  | Vệ sinh bán trú                            | 20.000đ/tháng            | 20.000đ/tháng            | 20.000đ/tháng            | 20.000đ/tháng            |
| 12  | Phục vụ bán trú                            | 120.000/tháng            | 120.000/tháng            | 120.000/tháng            | 120.000/tháng            |
| 13  | Thiết bị vật dụng phục vụ học sinh bán trú | 200.000/năm học          | 200.000/năm học          | 200.000/năm học          | 200.000/năm học          |
| 14  | Tài trợ                                    | Tự nguyện                | Tự nguyện                | Tự nguyện                | Tự nguyện                |

**Người/lập biểu**

**HIỆU TRƯỞNG**

*[Signature]*

**Phó Trọng Huy**

**Phó Trọng Huy**